

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1488/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mã San S, sinh năm 1997

Địa chỉ thường trú: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Nay là: Ấp A, xã K, Thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: Lô E, đường số A, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay là: Lô E, đường số A, khu công nghiệp T, xã Đ, tỉnh Long An (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay là: Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mã San S trình bày tóm tắt như sau:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2017 chị và anh Nguyễn Thành B đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn

và được Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/11/2020.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống chung gia đình chồng tại ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh B không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị dọn ra nhà trọ ở riêng và ly thân với anh B từ năm 2022 đến nay. Khoảng thời gian ly thân thỉnh thoảng anh chị cũng có gặp nhau nhưng chủ yếu là đến thăm và gặp con. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Bảo C, sinh ngày 07/11/2020 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/9/2022, hiện cháu Bảo C đang sống cùng với anh B, cháu Bảo N đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N và đồng ý để anh B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm công ty thu nhập trung bình mỗi tháng của chị khoảng 10.000.000đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, chị và anh B không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Thành B vắng mặt và không cung cấp bất cứ ý kiến, tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng anh B đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy, quá trình chung sống chị S và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S. Về con chung: Hiện cháu Bảo C đang sống cùng với anh B, cháu Bảo N đang sống cùng với chị S, cuộc sống đã ổn định nên tiếp tục giao cháu Bảo C cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bảo N cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản

chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh B vắng mặt và không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị S xác định không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Mã San S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành B, địa chỉ: Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Thành B đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mã San S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Chị S và anh B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/11/2020 (số A), nên quan hệ hôn nhân của chị S và anh B là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị S, thấy rằng: Theo chị S, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngoài ra, anh B không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hơn nữa, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho anh B các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, anh B đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị S. Từ đó cho thấy, anh B cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, hôn nhân của chị S và anh B đã không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện anh chị không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, một trong hai bên đã không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

[3.3] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của chị S cùng các chứng cứ do chị S cung cấp thì chị S và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Bảo C, sinh ngày 07/11/2020 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/9/2022. Sau khi ly hôn, chị S đồng ý để anh B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo C, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo N. Xét thấy, hiện cháu Bảo C đang sống cùng với anh B, cháu Bảo N đang sống cùng với chị S từ khi anh chị ly thân đến nay, cuộc sống đã ổn định, khả năng anh B, chị S có thể chăm sóc con chung tốt. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định của các con chung nên tiếp tục giao cháu Bảo C cho anh B trực

tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bảo N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh B vắng mặt không có yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong trường hợp sau này các bên có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị S không tranh chấp về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Mã San S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mã San S về việc “Ly hôn” với bị đơn anh Nguyễn Thành B.

1. Về hôn nhân: Cho chị Mã San S ly hôn với anh Nguyễn Thành B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 07/11/2020 cho anh Nguyễn Thành B được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/9/2022 cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành B và chị Mã San S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Mã San S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006968 ngày 04/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Tây Ninh). Chị Mã San S đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng